

# 13. THIỀN SƯ BẠCH ẮN VÀ PHÁP HỘI MÙA XUÂN 1470

Thuần Bạch

## I. SƠ LƯỢC TIỂU SỬ

Thiền sư Bạch Ẩn Huệ Hạc (Hakuin Ekaku), người trung hưng tông Lâm Tế Nhật Bản, thuộc dòng Ứng-Đăng-Quan<sup>1</sup> Truyền thừa từ ngài Hư Đường:

Dương Kỳ	Hư Đường	Nam Phổ Thiệu Minh
Phương Hội	⇒ Trí Ngu	⇒ (Đại Ứng Cuộc Sư)
992-1049	1185-1269	1235-1309

KHAI TỔ PHÁI DƯƠNGKỲ



Ngu Đường	Quan Sơn	Tông Phong
Đông Thập	⇐ Huệ Huyền	⇐ Diệu Siêu
1579-1661	1277-1360	(Đại Đăng Quốc Sư) 1282-1338



Chí Đạo Vô Nan	⇒ Đạo Cảnh Huệ Đoan <sup>2</sup>	⇒ Bạch Ẩn Huệ Hạc
1603-1676	1642-1721	1685-1768

<sup>1</sup> Tên ba vị tổ Đại Ứng, Đại Đăng, Quan Sơn. (D.G)

<sup>2</sup> Chánh Thọ Lão Ông. (D.G)

Khi thiền tông du nhập Nhật Bản có hai mươi bốn vị Tổ hoặc từ Trung Hoa sang hoặc từ Nhật du học Trung Hoa rồi về. Nhưng thời gian sau chỉ còn lại năm hệ phái thuộc chư tổ:

- 1/ Đạo Nguyên Hi Huyền
- 2/ Viên Nhĩ Biện Viên
- 3/ Lan Khê Đạo Long
- 4/ Vô Học Tổ Nguyên
- 5/ Nam Phổ Thiệu Minh.

Cho đến ngày nay chỉ còn lại hai dòng chính: Tào Động của Đạo Nguyên và Lâm Tế của Bạch Ẩn.

Xuất gia từ khi mới mười lăm tuổi, Bạch Ẩn đã học nhiều vị thầy trước khi gặp Đạo Cảnh Huệ Đoan ở tuổi hai mươi bốn. Trước đó hai năm, Bạch Ẩn đã dụng công miên mật, hành khước nhiều nơi. Và khi gặp được Huệ Đoan, chỉ trong vòng vài tháng Bạch Ẩn chứng ngộ và được thầy ấn khả, chẳng bao lâu Bạch Ẩn rời thầy, tiếp tục hành khước khắp nước Nhật, và được gặp chư thiền đức cả ba tông phái Tào Động, Lâm Tế và Hoàng Bá, và sau đó là thời gian độc cư gần hai năm trong am cỏ trên núi Nham Lan<sup>3</sup> nơi Quan Sơn Huệ Hiền ẩn tu thuở xưa.

Mùa đông năm 1716, Bạch Ẩn tròn ba mươi hai tuổi trở về Tùng Âm, một ngôi chùa xưa ở quê nhà, chấm dứt quãng đời tha phương cầu đạo suốt mười bốn năm, sáu năm trước khi gặp thầy và tám năm sau đó.

## II. CUỘC SỐNG Ở CHÙA TÙNG ÂM

Bạch Ẩn đã thừa hưởng một ngôi chùa nhỏ của gia đình bảo trợ từ nhiều đời, nhỏ về chỗ ở lẫn tiếng tăm. Chùa thật nghèo nàn xơ xác, các gian nhà rất sơ sài và đang hư hỏng trầm trọng. Trong quyển Bạch Ẩn Niên Phổ do đệ tử là Đông Lãn<sup>4</sup> ghi chép đã tả chùa Tùng Âm như sau:

---

<sup>3</sup> Iwodaka

<sup>4</sup> Đông Lãn Viên Từ (1721-1792)

*Chùa Tùng Âm lâm vào tình trạng gần như đổ nát. Nhìn lên mái nhà sao trời lấp lánh thâu đêm. Sàn chùa luôn ẩm ướt vì mưa và sương. Thầy phải khoác áo tơi khi đi trong chùa, làm lễ nơi chánh điện phải mang ủng. Tài sản của chùa đều rơi vào tay chủ nợ, đồ đạc đều bị cầm cố. Vật duy nhất đáng giá ở đây là ánh trăng và tiếng gió.*

Đây là buổi đầu đạo nghiệp của Bạch Ẩn, và đây cũng là chiếc nôi giáo dưỡng môn đồ suốt năm mươi năm cho tới ngày viên tịch.

Đồng Lãnh đã viết lại nếp sống của thầy trong mười năm đầu ở chùa Tùng Âm:

*Thầy dụng công nhất tâm rất chuyên cần, sống thiếu thốn và một mực giữ hạnh đạm bạc thanh bần. Thầy không tuân giữ cố định thời khóa tụng kinh hay nghi lễ khác. Đêm xuống thầy trèo vào một cái kiệu cũ ọp ẹp và ngồi trên bồ đoàn đặt trên sàn ván. Một chú tiểu đến đắp chăn lên người thầy và buộc dây chặt. Thầy ngồi như thế, bất động giống như bức tranh tổ Đạt-ma, cho đến ngày hôm sau khi chú tiểu đến tháo dây để thầy đi vệ sinh; rồi thầy dùng bữa. Đêm nào thầy cũng an tọa như thế.*

Trong bài tựa quyển Dạ Thuyên Nhàn Thoại, Bạch Ẩn ký tên là “Ông thầy lạnh trong am nghèo”, có một đoạn như sau:

*Từ lúc đặt chân vào cổng chùa Tùng Âm, hàng học nhân đã vui vẻ hứng chịu đờm dãi nọc độc của thầy phun ra, hoan hỷ trước những trận gậy đau đớn. Họ ở lại tu mười đến hai mươi năm, chẳng hề nghĩ đến ra đi. Có người quyết định sống đến chết tại đây và thành bụi đất dưới hàng thông trong chùa. Họ là những đóa hoa tươi sáng giữa rừng Thiên, là những anh hùng đảm lược của thế gian... Đối diện với cái đói ban ngày và cái lạnh ban đêm. Ăn rau cỏ để sống, không nghe tiếng gì khác ngoài lời la mắng thậm tệ của thầy, không cảm nhận gì khác ngoài cú đánh và trận gậy đau thấu xương. Họ chỉ thấy những gì làm vàng trán thêm nhăn, họ chỉ nghe những gì làm thân thể toát mồ hôi. Ở đây có những cảnh tượng làm cho ma phải nhỏ lệ, quỷ phải chấp tay van xin. Da dẻ hồng hào nhưng chẳng bao lâu thân thể gầy mòn, mặt mày mệt mỏi... Nếu không vì hoài bảo cống hiến trọn đời để cầu đạo thì không ai có thể hy sinh sức khỏe và đời mình lâu như thế.*

Tuy đối với môn đệ như thế, Bạch Ẩn lại rất tử tế dễ thương với bà con chòm xóm, chia sẻ vui buồn no đói với dân làng bạn quê, và mở lòng hào hiệp đối với như cầu của họ.

Mặc dù đã dốc hết sức lực để dạy dỗ môn sinh đều đặn, thầy vẫn không quên mang Phật pháp đến từng bác nông phu, người đánh cá và mọi người xa gần qua những bài viết, tranh vẽ và thư pháp. Những bước chân hoằng hóa của thầy đã gia tăng mạnh mẽ trong hai mươi lăm năm cuối đời. Ngoài những buổi thuyết pháp thường kỳ tại chùa Tùng Âm và các chùa lân cận, thầy vẫn nhận hết những lời mời đến Pháp hội vùng xa, tại chùa cũng như nơi đạo tràng của cư sĩ. Có những chuyến đi xa kéo dài nhiều ngày, nhiều tuần khắp nước Nhật. Từ năm sáu mươi tuổi trở về sau, thầy quay về viết bài, vẽ tranh và thảo chữ nhiều hơn, để lại cho đời một công trình đồ sộ gồm:

- Bạch Ẩn Hòa Thượng Thiên Thư (ba mươi bảy quyển sách đủ mọi thể loại: bài giảng, thư pháp, bài ca...)
- Tranh họa và thư họa cả ngàn bức.

Từ lần chứng ngộ đầu tiên vào năm hai mươi bốn tuổi, những năm sau thầy đã trải qua “đại ngộ nhiều lần và tiểu ngộ vô số”. Tuy nhiên thầy vẫn chưa thể hiện được những tâm chứng này vào cuộc sống hằng ngày, và cảm thấy bị hạn chế khi cố thử trình bày sở ngộ cho người khác. Mãi đến năm 1726 vào tuổi bốn mươi mốt, thầy mới hoàn toàn triệt ngộ. Lúc đó thầy đang học kinh Pháp Hoa phẩm Thí Dụ, chỗ đức Phật cảnh tỉnh ngài Xá-lợi-phất về pháp vị chứng ngộ của riêng mình, và khuyên nhắc bổn phận Bồ-tát hạnh là tiếp tục hành trì sau khi chứng ngộ, đồng thời dạy dỗ và cứu độ chúng sanh cho đến khi tất cả đều thành Phật.

Triệt ngộ này là biến cố then chốt trong đời tu của Bạch Ẩn. Sự dụng công của thầy trực tiếp hướng đến tự ngộ và từ đó hướng đến độ tha.

Quãng đời cuối năm ba mươi và bước vào tuổi bốn mươi, Bạch Ẩn nhận một ít đệ tử và sĩ số tăng dần sau này. Tiếng tăm của thầy cũng tăng cao khi đến tuổi năm mươi và lừng vang đến tổ đình Diệu Tâm ở Kyoto. Pháp hội mùa Xuân năm 1740 đã minh định Bạch Ẩn là một bậc thầy ưu việt nhất của nước Nhật.

### III PHÁP HỘI MÙA XUÂN NĂM 1740

Tăng ni và cư sĩ khắp đất nước tụ hội về Tùng Âm. Họ xuất thân từ mọi đẳng cấp xã hội. Tùng Âm quá nghèo nàn không thể đáp ứng nhu cầu của họ, ngay như một số nhỏ

người học cũng không thể được. Do đó họ phải tìm nơi trọ bên ngoài. Họ ngủ nghỉ và hành thiền tại các tư gia, nhà bỏ hoang, trong đền chùa hoặc sảnh đường bỏ trống, dưới những mái hiên trang trại; có người cắm trại ngoài trời dưới sao đêm. Toàn thể một vùng rộng lớn nhiều dặm chung quanh Tùng Âm biến thành một trung tâm tu thiền to lớn.

Ba năm sau (1743), khi đủ duyên in ấn bài giảng trong Pháp hội tựa đề Hư Đường Ngữ Lục Khai Diễn Phổ Thuyết, một đệ tử của Bạch Ẩn là Nguyên Thật<sup>5</sup> đã viết trong phần Duyên Khởi như sau:

*Mùa xuân năm thứ năm triều đại Gembun (1740), thầy đã mở Pháp hội dành cho những người học ở xa từ lâu một lòng tha thiết tu thiền. Vào mùa đông trước đó đã khởi sự chuẩn bị cho Pháp hội. Sau ngày kỵ tổ Đạt-ma vào mùng 5 tháng 10, những nạp tảng ở am thất chung quanh Tùng Âm đều đồng ý cùng bắt tay vào việc sửa soạn chùa để đón tiếp tân khách.*

*Họ chống đỡ những gian nhà xiêu vẹo cũ nát, họ khai thông lại miệng giếng cũ, đắp vá các cửa ra vào và cửa sổ, đóng buộc lại rui mè hư gãy. Tăng chúng trong chùa hăm hở gánh vác những công việc vất vả, đi tận xa xôi để quyên góp gạo và đậu về dự trữ, đến từng làng lân cận khát thực rau cải. Những người ở nhà làm việc thay phiên suốt đêm ngày liên tục.*

*Riêng thầy cùng với hai đệ tử làm thị giả đi an dưỡng. Ngụ tại chùa Nguyên Long (Genryō-ji) ở Fujisawa. Sau cùng dời về Yoshimizo hạt Suruga ngụ tại nhà cư sĩ Huyền Trạch<sup>6</sup> gần nguyên tháng. Suốt thời gian này, trừ khi phải tiếp khách, thầy dành thì giờ để ngủ những giấc thật sâu và ngon lành. Thầy ngáy vang như sấm, nằm ngủ trên sàn, cuộn người lại như một con rắn to. Khách viếng thăm nhìn thấy đều ngạc nhiên.*

*Một hôm, hai vị thị giả, theo lời dặn của sư huynh ở chùa, tác bạch xin thầy thuyết pháp để sách tấn hàng môn sinh trẻ, và cũng xin phép được ghi chép mang về chùa cho huynh đệ đọc. Thầy mỉm cười gật đầu. Nhưng rồi thầy vừa trở mình xong lại ngáy vang. Hai thị giả đến bên thầy, như trẻ con vòi vĩnh bố mẹ, thỉnh cầu thầy đừng ngủ nữa để nói cho họ ghi.*

---

<sup>5</sup> Genshoku

<sup>6</sup> Gentaku

*Cuối cùng thầy thức dậy. Mắt vẫn nhắm, thầy bắt đầu nói trong tĩnh lặng. Năm câu đầu tiên rồi đến câu thứ mười. Thầy nói những lời đột ngột xuất hiện trong đầu, có quan tâm chút ít đến trình tự câu cú. Bút lông của thị giả tuôn mực không ngừng trên giấy. Thầy và trò cực lực làm việc như nhau. Đến khi sắp rời thất của Huyền Trạch thì năm mươi trang giấy đã đầy chữ. Huyền Trạch nhận thấy rằng ba giai thoại thiền nêu lên trong bài thuộc về ngữ lục của các vị thiền sư Vạn Am<sup>7</sup>, Đại Huệ<sup>8</sup> và Phật Nhãn<sup>9</sup>.*

*Thầy trở về Tùng Âm tháng 11, một ngày trước Đông chí. Thầy mời tăng chúng dự đêm phổ trà để tỏ lòng khen ngợi công trình chúng tôi đã hoàn tất. Chúng tôi ngồi vây quanh thầy, vui vẻ đàm đạo và nhấp trà. Hai thị giả ngồi cạnh nhau mang bài thuyết pháp của thầy đọc cho chúng tôi nghe dưới ánh đèn. Chúng tôi lắng nghe với tất cả tấm lòng, hân hoan đến nỗi như muốn nhảy múa khắp phòng. Nhưng niềm hân hoan trôi qua nhanh chóng vì chúng tôi bị cuốn hút vào lời Pháp, và buổi đọc kéo dài nhiều đêm.*

Bạch Ẩn mở Pháp hội mùa xuân năm 1740 lúc năm mươi hai tuổi, trong thời kỳ năng lực sung mãn nhất. Tiếng tăm thầy đã ra khỏi trú xứ nguyên quán là hạt Suruga, qua sự kiện bốn trăm học nhân khắp nơi tụ hội về chùa Tùng Âm. Đây là bước ngoặt lịch sử trong đời tu của thầy, và kể từ nay đến hết đời, với năng lực dũng mãnh và ý chí kiên cường, thầy hiến trọn đời mình cho công cuộc trung hưng Thiền tông. Ý nguyện của thầy đã thành tựu viên mãn, vì khi thầy qua đời thiền Lâm Tế vẫn sinh tồn và hưng thịnh rực rỡ nhiều thế kỷ sau. Thầy đã ẩn chứng khoảng năm mươi đệ tử, nhưng có người cho rằng sĩ số nhiều gần gấp đôi.

#### **IV. HƯ ĐƯỜNG NGỮ LỤC KHAI DIỄN PHỔ THUYẾT**

Bạch Ẩn chọn đề tài cho Pháp hội là Hư Đường Ngữ Lục. Trước khi đi vào phần đề xướng, thầy đã giảng một loạt nhiều bài phổ thuyết để sách tấn học nhân và chuẩn bị cho họ lao vào thời kỳ tu tập quyết liệt, cũng như theo kịp ý nghĩa phần đề xướng, vì thế có tên là Hư Đường Ngữ Lục Khai diễn Phổ Thuyết.

Thực sự thầy cũng muốn nhân dịp chấn chỉnh những sai lầm nghiêm trọng - trong lý thuyết cũng như trong thực hành - đã làm cho Thiền tông lạc hướng và suy yếu. Thầy

<sup>7</sup> Vạn Am Đạo Nhan (1094-1164)

<sup>8</sup> Đại Huệ Tông Cảo (1089-1163)

<sup>9</sup> Phật Nhãn Thanh Viễn (1067-1120)

đã nỗ lực thuyết phục các học nhân rằng giải thoát nằm ngay trong sự chứng ngộ chân chánh bằng con đường kiến tánh. Thầy cho rằng cần phải dùng tới “độc ngữ” của cổ đức và tham cứu với sự chuyên chú nhất tâm và ý chí mãnh liệt khẩn thiết, cho đến một phen đại tử thì sẽ kiến tánh. Rồi thì cần phải đào sâu và thuần thực sở ngộ ban đầu gọi là kiến tánh khởi tu. Thầy cũng quy trách nhiệm làm suy yếu Thiền tông do các vị thiền sư đương thời đã áp dụng niệm Phật trong sự tu thiền (phái Hoàng Bá) và chủ trương ngồi nhiều và vô sự trong sự dụng công gọi là Thiền mặc chiếu (một số vị trong phái Tào Động).

Hư Đường Ngữ Lục Khai Diễn Phổ Thuyết gồm có năm bài:

1. Liếm nuốt đờm dãi hồ ly của Hư Đường.
2. Độc dược để lại của bậc tiên đức.
3. Chánh pháp không thể truyền.
4. Công khó đền ơn chư Phật, Tổ.
5. Thư gửi cư sĩ.

Trong bài Chánh pháp không thể truyền, sư hầu như đề cập chư thiền sư Trung Hoa qua nhiều chủ đề khác nhau, nhưng tựu trung vẫn qui về một nền tảng duy nhất là sự chứng ngộ chân chánh và rốt ráo. Ví như Huệ Nam Hoàng Long<sup>10</sup> được Lặc Đàm Hoài Trừng<sup>11</sup> ấn chứng, xong tiếp tục hành khước gặp Vân Phong Văn Duyệt<sup>12</sup>, đệ tử của Thúc Nham Thủ Chi, phân tích cho thấy Pháp đạo của Lặc Đàm chưa thể sánh với Vân Môn và khuyên Huệ Nam đến ngài Từ Minh Sở Viên<sup>13</sup>. Qua nhiều thử thách cam go Huệ Nam triệt ngộ dưới cửa Từ Minh, khai mở hệ phái Hoàng Long sau này.

Bạch Ẩn khi dạy chúng thường nêu lên những gian nan cay đắng người xưa phải cam chịu nếu muốn thành tựu việc lớn. Thầy đã dẫn lời của Tăng Triệu trong Bảo Tạng Luận nói về đại đạo và tiểu lộ:

*Có đến hằng vạn con đường dẫn đến giác ngộ. Một con cá què quặt thì chỉ lặn quẩn trong con suối nhỏ. Một con chim đau yếu thì chỉ loanh quanh trong đám lau sậy. Chúng không biết đến cái bao la của biển cả, cái mệnh mong của rừng rậm. Cũng*

---

<sup>10</sup> 1002-1069

<sup>11</sup> Dòng Vân Môn

<sup>12</sup> 998-1062

<sup>13</sup> 986-1039

giống như vậy, đối với hành giả bỏ qua đại đạo để dần thanh vào những con đường phụ, những tiểu lộ. Sau khi nỗ lực tu tập và đạt đến một phần công đức nào đó, họ dừng lại nửa đường và không bao giờ đi đến cứu cánh rốt ráo. Vì bỏ qua đại đạo để dần thân vào tiểu lộ, và bằng lòng với sự chứng đạt ở mức độ thấp bé, nên họ chẳng bao giờ đạt đến an lạc viên mãn tối hậu.

Thầy gần mạnh: “Ai là người đi theo đại đạo? Đó là những hành giả chân chánh đã kiến tánh và đào xới bằng mọi cách tận đầu nguồn của Đại Pháp. Ai là người đi theo tiểu lộ? Chính là những thiền giả nửa vời đã làm nhận kiến văn giác tri cho là cứu cánh tối hậu.”

Thiền sư Thanh Tố trước đây làm thị giả mười ba năm cho ngài Từ Minh Sở Viên, nay quy ẩn chùa Lộc Uyển, Quan Tây. Bấy giờ Tùng Duyệt Đâu Suất<sup>14</sup>, đệ tử của Chân Tịnh Khắc Văn<sup>15</sup>, ở gần đó. Biết Tố là bậc tôn túc, Đâu Suất cầu chỉ giáo. Sư trình kiến giải, Tố bảo: “Khả dĩ vào Phật mà không thể vào ma.” Và bảo tiếp: “Há chẳng nghe cổ nhân nói còn câu rốt sau mới đến lao quan sao?” Sư định trả lời, Tố liền nói: “Hãy nói mà không mở miệng!” Sư định đáp, bỗng Tố cười âm lên. Ngay đó sư đại ngộ. Vài tháng sau, Tố ấn chứng cho Đâu Suất, nhưng bảo rằng lời Chân Tịnh dạy đều đúng, chỉ vì Đâu Suất rời thầy quá sớm, nên khuyên Đâu Suất phải nối pháp Chân Tịnh.

Tướng quốc Trương Vô Tân học đạo với Đâu Suất được biết chuyện này. Nhân đi ngang qua chùa Qui Tông, Vô Tân đến thăm Chân Tịnh và kể lại lời của Thanh Tố. Chân Tịnh nổi giận nói: “Lão trọc mưa ra máu thế đó! Y nói dối lung tung há có thể tin được sao?” Về sau khi Chân Tịnh đã tịch, thiền sư Giác Phạm Huệ Hồng<sup>16</sup>, đệ tử của Chân Tịnh, có dịp đến gặp Vô Tân và được nghe Vô Tân bình rằng Chân Tịnh không hội được thực nghĩa trong lời nói của Thanh Tố. Giác Phạm bèn nói: “Ông chỉ hiểu được câu rốt sau của Thanh Tố nhưng không thấy rằng Chân Tịnh đã phát thuốc hay trước mắt ông!” Vô Tân nghe xong bèn thấp nhang hương về chùa Qui Tông đảnh lễ.

Nêu lên giai thoại trên, ý của Bạch Ẩn muốn chỉ cho thấy trong nhà Thiền ta chỉ có thể thâm nhập được yếu chỉ bằng sự chứng ngộ. Vì thế lời giải thích của Giác Phạm cho Vô Tân, theo Bạch Ẩn nhận định là không cần thiết, chẳng hiệu lực gì hơn “cái trống thùng.”

<sup>14</sup> 1044-1091 (có bản đề 1024-1128)

<sup>15</sup> 1025-1102 (đệ tử Huệ Nam Hoàng Long)

<sup>16</sup> 1071-1128



*Thiền sư Hư Đường Trí Ngụ<sup>17</sup> ngộ qua công án “Buồm xưa chưa treo” và được thầy ấn chứng. Tuy nhiên ngài không bằng lòng dùng ngang đây mà tham tiếp công án “Sơ Sơn thọ tháp” thêm bốn năm mới triệt ngộ thành bậc đại pháp khí, được thỉnh cầu đến mười thiền viện lần tổ đình làm trụ trì.*

Theo Bạch Ẩn, nếu Hư Đường không tiếp tục tham cứu sau lần sơ ngộ thì chẳng khác nào “kẻ trôi nổi rong vũng nước ao tù, một cái thầy chết thối rửa mà ngay cả con quạ già ốm cũng chẳng thèm nhìn.”

Ngày mãn pháp hội, Bạch Ẩn kết thúc bài giảng về Hư Đường Lục. Hội chúng tề tựu vây quanh và đánh lễ thầy. Nguyên Thật và vài huynh đệ nhân cơ hội xin phép thầy in ấn nội dung bài giảng. Lập tức thầy lớn tiếng gọi đem lửa đến. Các huynh đệ vội quán tròn bài viết giấu trong tay áo. Sau đó họ thưa thỉnh thêm vài lần, nhưng việc không thành. Trong phần Duyên Khởi quyển sách sau này, Nguyên Thật đã kể tiếp:

*Đến mùa thu năm nay (1743), hai đại sư huynh là Trung<sup>18</sup> và Dược<sup>19</sup> nêu nhiều lý do thuyết phục thầy cho in ấn để kẻ hậu học đỡ mất thì giờ ghi chép hầu tập trung vào việc dụng công. Thầy bảo rằng đây là những lời bất chợt xuất hiện trên môi lưỡi khi thầy nửa ngủ nửa thức. Bây giờ thì chưa được, nhưng sau này có bậc cao minh xem lại và hiệu chính thì có thể in.*

Về sau tìm được một tăng nhân ở chùa Khánh Lâm<sup>20</sup> phía tây Mỹ Nùng<sup>21</sup> sửa giùm bản in, Trung đến Kyoto và tiến hành in ấn.

\*

Công cuộc hoàng hóa của thiền sư Bạch Ẩn lúc sinh tiền tuy chỉ ảnh hưởng trên đất Nhật, nhưng qua gần hai thế kỷ đã chinh phục toàn thế giới. Trước tiên với những bức thư họa và tranh vẽ nhiều đề tài, từ đức Phật, Bồ-tát Quán Âm, chư Tổ đến các giai thoại thiền và chuyện ngụ ngôn nhân gian. Mãi về sau ngữ lục của thầy mới được sưu tầm in ấn, không những tại đại học Hoa Viên<sup>22</sup> do tông Lâm Tế bảo trợ, mà ở đại học

---

<sup>17</sup> Nói pháp Vân Am Phổ Nham.

<sup>18</sup> Chù

<sup>19</sup> Yaku.

<sup>20</sup> Keirin-ji.

<sup>21</sup> Mino

<sup>22</sup> Lấy tên của thiền hoàng Hoa Viên (Hanazono). (D.G)

các phương Tây vẫn tiếp tục nghiên cứu dịch thuật và phổ biến sâu rộng trong nhiều lĩnh vực văn hóa, kể cả tôn giáo và Thiền học.

Đời tu của Bạch Ẩn quả là một cuộc đời ngoại hạng kiệt xuất, đến bây giờ vẫn là tấm gương sáng cho hậu thế. Như vị trụ trì tổ đình Diệu Tâm đã nói:

*Quê quán của Bạch Ẩn là hạt Suruga có câu rằng: “Suruga có hai điều kỳ vĩ vượt bực là núi Phú Sĩ và Bạch Ẩn.” Tôi tin rằng trong tương lai không xa lắm, câu trên sẽ đổi là: “Nhật Bản có hai điều kỳ vĩ vượt bực là núi Phú Sĩ và Bạch Ẩn”.*

**Tài liệu tham khảo và trích dịch:**

- **The Zen Master Hakuin: Selected Writings của P.B. Yampolsky.**
- **The Essential Teachings of Zen Master Hakuin của N. Waddell.**